

Bản án số: 29/2018/HSST

Ngày: 30/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Lê Minh Phước

+ Ông: Nguyễn Văn Diệp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Minh Chí – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh B, sinh năm 1989, tại Tiền Giang;

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nghề nghiệp: Bán vé số, thợ cắt tóc;

Trình độ văn hóa: 5/12; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị M;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/01/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ **Người bị hại:** **Lê Hồng N**, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Võ Thị S**, sinh năm 1996; (Có mặt)

- **Lê Thị Thúy K**, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thanh B và bà Võ Thị S, sinh năm 1965 sống chung như vợ chồng tại nhà bà S thuộc ấp P, xã H, huyện C. Vào khoảng 06 giờ ngày 16/7/2017, bà S cùng B đi đến Đại lý vé số K tại thành phố Bến Tre để lấy vé số cho cả hai cùng đi bán. Trên đường đi giữa B và bà S xảy ra mâu thuẫn về chuyện tình cảm. Do bức tức nên sau khi lấy vé số bà S đưa cho B chia ra đi bán, B đi một đoạn thì quay lại trả vé số cho Đại lý và trở về nhà bà S. B đột nhập vào nhà lấy cây kiếm có sẵn trong nhà bẻ khoen cửa phòng ngủ của chị Lê Hồng N (con ruột bà S), sinh năm 1996 tìm tài sản lấy trộm. Khi vào phòng B phát hiện và lấy số vàng cất trong chiếc giày gồm 01 chiếc lắc vàng 18k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng và mặt dây chuyền vàng 18k trọng lượng 01 chỉ 05 phân, đồng thời lấy số tiền 700.000 đồng để trên bàn. Sau khi lấy được tài sản B đi lên thành phố Hồ Chí Minh bán số vàng cho tiệm vàng M được số tiền khoảng 17.000.000 đồng. B lấy số tiền bán vàng mua lại 01 chiếc nhẫn hột vàng chữ nhật loại vàng 18k với giá 4.591.000 đồng, phần còn lại tiêu xài cá nhân và trả tiền điện thoại mua trả góp, còn dư tiền giữ trong người. Riêng sợi dây chuyền không bán được nên B cất giữ lại. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà S nghi ngờ B lấy trộm nên đi tìm và gặp B tại khu vực Bến xe M nên đã trình báo Công an. Quá trình điều tra, B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, Cơ quan Công an đã tiến hành thu giữ vật chứng theo quy định.

Quá trình điều tra xác định số vàng mà bị cáo B lấy trộm là tài sản riêng của bà S gửi cho chị N cất giữ, số tiền 700.000 đồng là tiền của chị N. Đối với sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng loại móc xích bà S đã bán tiêu xài trước đó và mua sợi dây bạc mạ vàng thay vào, lời khai bà S phù hợp kết luận giám định và lời khai của bị cáo B về việc không bán được sợi dây chuyền do không phải vàng thật.

Vật chứng thu giữ gồm: số tiền 10.620.000 đồng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn kiểu có gắn viên đá màu vàng, có khắc số và chữ 610 AN; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số 760 ngày 05/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã kết luận tài sản bị chiếm đoạt 01 chiếc lắc đeo tay vàng 18k trọng lượng 05 chỉ giá trị 12.250.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ loại nhẫn kiểu hình bông hoa giá trị 4.900.000 đồng, 01 mặt dây chuyền hình bông hoa vàng 18k trọng lượng 1,5 chỉ giá trị 3.675.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số 1008 ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã kết luận tài sản bị chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại móc xích, qua kiểm tra không phải vàng giá trị 200.000 đồng.

Theo thông báo kết quả giám định ngày 19/3/2018 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 kết luận 01 sợi dây chuyền bằng hợp kim bạc, bề mặt được mạ vàng, trọng lượng 11,3167 gam, không xác định được hàm lượng và khối lượng vàng (Au) được mạ trên bề mặt của mẫu.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung trên, bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKSCT ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B về “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 10.620.000 đồng; 01 chiếc nhẫn hột vàng chữ nhật loại vàng 610 (18k) và 01 sợi dây chuyền bằng hợp kim bạc bề mặt được mạ vàng trọng lượng 11,3167 gam cho bà S. Bị can B đã bồi thường số tiền 700.000 đồng cho chị Lê Hồng N. Hiện bà S và chị N không có yêu cầu gì khác và có đơn xin bãi nại cho B nên đề nghị ghi nhận.

Ý kiến của bị hại: Không có yêu cầu gì thêm và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ân hận về hành vi sai trái của mình xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại là Lê Hồng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thúy K vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục phiên tòa do sự vắng mặt này không ảnh hưởng việc xét xử do đã có lời khai rõ ràng tại giai đoạn điều tra. Bị cáo không có ý kiến, đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do có động cơ tư lợi bất chính nên vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/7/2017, tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thanh B có hành vi lấy trộm số tiền 700.000 đồng của chị Lê Hồng N và 01 chiếc lắc đeo tay vàng 18k trọng lượng 05 chỉ giá trị 12.250.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 02 chỉ loại nhẫn kiểu hình bông hoa giá trị 4.900.000 đồng, 01 mặt dây chuyền hình bông hoa vàng 18k trọng lượng 1,5 chỉ giá trị 3.675.000 đồng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng loại móc xích qua giám định không phải vàng giá trị 200.000 đồng, của bà Võ Thị S gửi chị Ngọc cất giữ.

[3] Xét thấy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự quen biết với bị hại để lén lút thực hiện hành vi phạm tội. Trị giá tài sản bị cáo

chiếm đoạt là 21.725.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh B đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người đúng tội nên được chấp nhận.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[6] Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị kết án về tội cố ý gây thương tích và đã từng bị xử phạt hình chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt mà không biết ăn năn hối cải. Do muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên cố tình chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Khi lượng hình cần xem xét những tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và gây thiệt hại không lớn, đã bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin bãi nại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 10.620.000 đồng; 01 chiếc nhẫn hột vàng 18k trọng lượng 01 chỉ 08 phân 06 ly 05 jem và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (không phải là vàng) cho bà S. Bị can B đã bồi thường số tiền 700.000 đồng cho chị Lê Hồng N. Hiện bà S và chị N không có yêu cầu gì khác.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

[1] *Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ Luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 10.620.000 đồng; 01 chiếc nhẫn hột vàng 18k trọng lượng 01 chỉ 08 phân 06 ly 05 jem và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (không phải là vàng) cho bà S. Bị can B đã bồi thường số tiền 700.000 đồng cho chị Lê Hồng N. Hiện bà S và chị N không có yêu cầu gì khác.

[3] *Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm nghìn*).

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- STP tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công an huyện;
- Bộ phận HS CA huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng

